

Bản án số: 270 /2023/ DS-ST

Ngày: 17 - 11 -2023

V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **TRẦN VĂN NHU**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông **NGUYỄN THÀNH THÊM**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282 /2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Mỹ N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp Q, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Văn L**, sinh năm 1965.

Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: tổ A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N, bà M có mặt; ông L xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị **Hồ Thị Mỹ N** tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày: Chị làm đầu thảo, bà M và ông L là hui viên tham gia các dây hui và tính đến ngày xét xử còn nợ cụ thể sau:

+ **Dây 1:** Hui tháng khai ngày 05/3/2021 âm lịch, hui 1.000.000đồng, gồm 25 phần, ông L, bà M tham gia 02 phần, đã hót, còn nợ lại 03 kỳ hui chết là 6.000.000đồng. Dây hui này đã mãn.

+ **Dây 2:** Hội tháng khui ngày 08/9/2021 âm lịch, hội 2.000.000đồng, gồm 19 phần, ông L, bà M tham gia 03 phần, đã hốt, còn nợ lại 14.000.000đồng hội chết. Dây hội này đã mãn.

+ **Dây 3:** Hội tháng khui ngày 15/6/2021 âm lịch, hội 1.000.000đồng, gồm 22 phần, ông L, bà M tham gia 03 phần, đã hốt, còn nợ lại 03 kỳ hội chết là 10.000.000đồng. Dây hội đã mãn.

+ **Dây 4:** Hội tháng khui ngày 10/11/2022 âm lịch, hội 1.000.000đồng, gồm 21 phần, ông L, bà M tham gia 02 phần, đã hốt, còn nợ lại 08 kỳ hội chết là 16.000.000đồng. Dây hội đã mãn.

+ **Dây 5:** Hội tháng khui ngày 30/01/2022 âm lịch, hội 500.000đồng, gồm 29 phần, ông L, bà M tham gia 02 phần, đã hốt, còn nợ lại 09 kỳ hội chết là 9.000.000đồng. Hội còn 07 kỳ mãn là 7.000.000đồng.

+ **Dây 6:** Hội tháng khui ngày 23/02/2022 âm lịch, hội 2.000.000đồng, gồm 21 phần, ông L, bà M tham gia 01 phần, đã hốt, còn nợ lại 11 kỳ hội chết là 22.000.000đồng. Dây hội đã mãn.

+ **Dây 7:** Hội tháng khui ngày 20/4/2022 âm lịch, hội 1.000.000đồng, gồm 27 phần, ông L, bà M tham gia 02 phần, đã hốt, còn nợ lại 09 kỳ hội chết là 18.000.000đồng. Hội còn 08 kỳ mãn là 16.000.000đồng.

+ **Dây 8:** Hội tháng khui ngày 10/6/2022 âm lịch, hội 500.000đồng, gồm 26 phần, ông L, bà M tham gia 01 phần, đã hốt, còn nợ lại 07 kỳ hội chết là 3.500.000đồng. Hội còn 9 kỳ mãn là 4.500.000đồng.

Tổng cộng số tiền hội tới hạn chị đã choàng là 98.500.000đồng, tiền hội chưa tới hạn là 27.500.000đồng. Chị yêu cầu ông L, bà M trả 98.500.000đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, còn hội chưa tới hạn thì khi đến kỳ khui phải trả cho chị.

- **Bị đơn bà Nguyễn Thị M biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa trình bày:** Bà thừa nhận tính đến ngày xét xử bà còn nợ chị N 98.500.000đồng hội chết đã đến hạn, hội chưa tới hạn 27.500.000đồng. Bà đồng ý trả số tiền trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng.

- **Bị đơn ông Hồ Văn L tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải trình bày:** Ông không tham gia chơi hội của chị N nhưng đồng ý cùng bà M trả tiền hội cho chị N như ý kiến của bà M.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, đương sự, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hui. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng góp hui theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Hồ Văn L có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận đi làm. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M thừa nhận có tham gia tổng cộng 08 dây hui và hiện còn nợ chị N 98.500.000đồng tiền hui chết đã tới hạn, hui chưa tới hạn là 27.500.000đồng. Lời thừa nhận của bà M là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với ông L trình bày không biết việc chơi hui của bà M nhưng cũng đồng ý nhận nợ và trả nợ cùng bà M. Bà M, ông L đồng ý trả 98.500.000đồng tiền hui chị N đã choàng và hui chưa tới hạn là 27.500.000đồng cho chị N nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, bà M đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của hui viên sau khi hốt hui, chị N phải đứng ra đóng hui chết cho hui viên thay bà, hiện các dây hui cũng đã mãn, 01 số dây hui cũng sắp mãn. Nay chị N khởi kiện thì ông L, bà M xin trả dần, việc này không được chị N chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Các bên cũng có quyền thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà M, ông L phải trả chị N 98.500.000đồng tiền hui đã tới hạn, 27.500.000đồng tiền hui chưa tới hạn là có cơ sở.

[3]. Án phí: Bà M, ông L phải chịu án phí theo qui định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVHU14 ngày 30/12/2016 do yêu cầu khởi kiện của chị N được chấp nhận. Tuy nhiên, bà M có đơn xin miễn án phí lý do người cao tuổi; đối với ông L cũng có đơn xin giảm án phí lý do hoàn cảnh khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử xem xét miễn, giảm án phí cho ông bà.

[4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Mỹ N.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Văn L phải trả cho chị Hồ Thị Mỹ N 98.500.000 đồng tiền nợ hui.

1.2. Bà Nguyễn Thị M và ông Hồ Văn L phải tiếp tục trả cho chị Hồ Thị Mỹ N tiền hui chết chưa đến kỳ khai hui là 27.500.000 đồng khi đến kỳ khai hui cho đến khi đầy hui mãn cụ thể như sau:

+ Hui tháng khai ngày 30/01/2022 âm lịch, hui 500.000 đồng, gồm 29 phần, còn 07 kỳ mãn là 7.000.000 đồng.

+ Hui tháng khai ngày 20/4/2022 âm lịch, hui 1.000.000 đồng, gồm 27 phần, còn 08 kỳ mãn là 16.000.000 đồng.

+ Hui tháng khai ngày 10/6/2022 âm lịch, hui 500.000 đồng, gồm 26 phần còn 9 kỳ mãn là 4.500.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. ông Hồ Văn L phải chịu 1.575.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại chị Hồ Thị Mỹ N 3.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012929 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà M, ông L chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Chị N, bà M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng ông L thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;

- VKSND huyện C;

- Chi cục THADS huyện C;

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

